BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1394/CAT-TM
V/v xin ý kiến vào dự thảo các văn bản triển khai Luật Lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở

Bắc Giang, ngày 26 tháng 4 năm 2024

Kính gửi:
- Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh; Sở Nội vụ; Sở Tài chính; Sở Lao động, thương binh và xã hội;
- Thành viên Tổ soạn thảo số 73[1];

Để triển khai thực hiện Luật Lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở, Công an tỉnh đã xây dựng dự thảo Tờ trình, Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định một số nội dung liên quan đến Lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh, gửi xin ý kiến các đơn vị, địa phương. Trên cơ sở ý kiến tham gia của các đơn vị, địa phương, nhất là ý kiến tham gia của các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Công an tỉnh đã nghiên cứu, tiếp thu, hoàn thiện dự thảo các văn bản.

Để kịp tham mưu triển khai thực hiện các bước tiếp theo, Công an tỉnh đề nghị các cơ quan và thành viên Tổ soạn thảo nghiên cứu, tham gia ý kiến bằng văn bản vào dự thảo các văn bản nêu trên. Công an tỉnh xin nhận văn bản trao đổi (*qua Phòng Tham mưu*) **trước ngày 03/5/2024** theo địa chỉ Gmail: *Doi8phongtraobg@gmail.com* để tổng hợp, tham mưu thực hiện.

(*Có dự thảo các văn bản kèm theo*)

Trân trọng cảm ơn sự quan tâm phối hợp của các đồng chí./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, TM (Đ8).

GIÁM ĐỐC

Đại tá Nguyễn Quốc Toản

[1] Theo Quyết định số 73/QĐ-CAT-TM ngày 07/3/2024 của Công an tỉnh về việc thành lập Tổ soạn thảo xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh quy định những nội dung được giao tại Luật Lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: /TTr-UBND DỰ THẢO LẦN 3	*Bắc Giang, ngày tháng 4 năm 2024*

TỜ TRÌNH
Dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung liên quan đến Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Quyết định số 04/QĐ-HĐND ngày 07/02/2024 của Thường trực Hội đồng nhân dân (*HĐND*) tỉnh ban hành Danh mục Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chi tiết các nội dung được giao tại Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự (*ANTT*) ở cơ sở, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung liên quan đến Lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

- Khoản 1, Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015[1]; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

- Khoản 3, 4 Điều 14; khoản 1 Điều 23; điểm b, c, khoản 2 Điều 23 và khoản 2 Điều 26 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở[2].

2. Cơ sở thực tiễn

Thực hiện Luật Phòng cháy và chữa cháy năm 2001 (*sửa đổi, bổ sung năm 2013*), Pháp lệnh Công an xã năm 2008, Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17/4/2006 của Chính phủ quy định về Bảo vệ dân phố, hiện nay trên địa bàn tỉnh đang duy trì hoạt động 03 lực lượng hỗ trợ thực hiện công tác phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, phòng cháy, chữa cháy (*PCCC*) và xây dựng

---

[1] HĐND cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên".

[2] HĐND tỉnh quy định một số nội dung sau: **(1)** Tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ ANTT và tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ ANTT trên địa bàn quản lý; **(2)** Tiền hỗ trợ thường xuyên hằng tháng, hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế; **(3)** Hỗ trợ khi làm việc từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau, ngày nghỉ, ngày lễ, khi thực hiện công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật về lao động; **(4)** Mức tiền bồi dưỡng ngày công lao động khi làm nhiệm vụ tại những nơi thuộc miền núi, vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số hoặc tại đơn vị hành chính cấp xã tiềm ẩn phức tạp về ANTT và an ninh quốc phòng; **(5)** Mức chi cho lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 26 phù hợp với điều kiện kinh tế- xã hội của địa phương.

phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc (*ANTQ*) gồm: Công an viên bán chuyên trách (*2.000 đồng chí*), Bảo vệ dân phố (*108 đồng chí*), Dân phòng (*21.995 thành viên; 2.121 Đội trưởng; 2.118 Đội phó; 17.756 Đội viên*).

Trong những năm qua, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và ban hành nhiều văn bản quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, biên chế, tổ chức, trang phục, phương tiện, chế độ, chính sách[3]... đối với lực lượng Công an xã bán chuyên trách, Bảo vệ dân phố, Dân phòng, qua đó đã phát huy hiệu quả thiết thực của 03 lực lượng này trong tham gia bảo đảm ANTT, PCCC ở địa bàn cơ sở. Tuy nhiên, lực lượng có lúc còn thiếu, tuổi đời cao, trình độ học vấn không đồng đều, việc thực hiện nhiệm vụ có nội dung còn chồng chéo, phụ cấp hằng tháng còn thấp, việc trang bị phương tiện chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế... Trong thời gian tới, tình hình ANTT sẽ tầm ẩn phức tạp, cần phải củng cố, kiện toàn lực lượng này để hỗ trợ lực lượng Công an thực hiện tốt nhiệm vụ bảo đảm ANTT. Do vậy, việc ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung liên quan đến Lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang là hết sức cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

- Củng cố, kiện toàn, thống nhất 03 lực lượng (*gồm Công an viên bán chuyên trách, Bảo vệ dân phố, Dân phòng*) theo quy định của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở, bảo đảm tinh gọn đầu mối, có cơ chế chỉ đạo, điều hành và mối quan hệ công tác phối hợp cụ thể; bảo đảm tốt trang bị, phương tiện, chế độ, chính sách, kịp thời động viên, hỗ trợ và phát huy hiệu quả hoạt động của lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở trên địa bàn tỉnh.

- Quy định chi tiết khoản 3, 4 Điều 14; khoản 1 Điều 23; điểm b, c khoản 2 Điều 23 và khoản 2 Điều 26 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

- Bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của văn bản trong hệ thống pháp luật. Bảo đảm tính minh bạch trong quy định của văn bản.

- Tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Bảo đảm tính khả thi, tiết kiệm, hiệu quả, kịp thời, dễ tiếp cận, dễ thực hiện, phù hợp điều kiện ngân sách địa phương.

- Bảo đảm công khai, dân chủ trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của cá nhân, cơ quan, tổ chức, trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản.

- Kế thừa một số nội dung của các Nghị quyết hiện hành còn phù hợp với tình hình thực tế của địa phương[4].

---

[3] Nghị quyết số 45/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh quy định về chức danh, số lượng một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố và người tham gia hoạt động không chuyên trách và người tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Nghị quyết số 81/2023/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh quy định một số nội dung liên quan đến người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội Dân phòng trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 146/2009/QĐ-UBND ngày 31/12/2009 của UBND tỉnh ban hành quy định tổ chức, hoạt động, chế độ, chính sách, trang phục và trang bị phương tiện đối với Bảo vệ dân phố ở các phường thuộc thành phố Bắc Giang...

[4] Nghị quyết số 81/2023/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh, trong đó: (1) Tại điểm d, khoản 1, Điều 6 quy định "Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm thêm không quá 02 công việc khác của người trực

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn lập hồ sơ xin chủ trương Thường trực Tỉnh ủy và hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết trình Thường trực HĐND tỉnh.

2. Thực hiện Thông báo số 2295-TB/TU ngày 24/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thông báo số.../TB-HĐND ngày…/…/2024 của Thường trực HĐND tỉnh về nhất trí chủ trương xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định một số nội dung liên quan đến Lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn liên quan xây dựng dự thảo nghị quyết và thực hiện đầy đủ quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật[5].

3. Dự thảo nghị quyết đã được UBND tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét thông qua; Ban pháp chế HĐND tỉnh thẩm tra theo quy định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết gồm 08 Điều: Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; Điều 2. Tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ ANTT; tiêu chí số lượng thành viên và mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng đối với thành viên Tổ bảo vệ ANTT; Điều 3. Trang bị cho Lực lượng tham gia bảo vệ ANTT; Điều 4. Tập huấn, diễn tập, hội thi, sơ kết, tổng kết; Điều 5. Một số chế độ, chính sách đối với thành viên Tổ bảo vệ ANTT; Điều 6. Nguồn kinh phí bảo đảm; Điều 7. Lập dự toán và thanh, quyết toán kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với Tổ bảo vệ ANTT ở thôn, tổ dân phố; Điều 8. Tổ chức thực hiện.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

2.1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dung

- Phạm vi điều chỉnh: Quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí số lượng, một số chế độ, chính sách và lập dự toán, thanh quyết toán kinh phí đối với thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

- Đối tượng áp dụng: Thành viên Tổ bảo vệ ANTT ở thôn, tổ dân phố được Chủ tịch UBND cấp xã quyết định công nhận theo quy định của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2.2. Tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ ANTT; tiêu chí số lượng thành viên và mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng đối với thành viên Tổ bảo vệ ANTT.

2.2.1. Tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ ANTT

- Sắp xếp, kiện toàn, thống nhất 03 lực lượng (*Công an viên bán chuyên trách, Bảo vệ dân phố, Dân phòng*) theo Luật Lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở, bảo đảm tinh gọn đầu mối, có cơ chế chỉ đạo, điều hành và mối quan hệ

---

tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố"; (2) Tại khoản 2, Điều 6 quy định "Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố khi kiêm nhiệm được hưởng 100% mức phụ cấp, mức hỗ trợ của chức danh, công việc kiêm nhiệm"…

[5] Chỉ đạo tổ chức khảo sát, báo cáo thực trạng tình hình, kết quả hoạt động của lực lượng Công an xã bán chuyên trách, Bảo vệ dân phố, Dân phòng; phối hợp với các cơ quan liên quan thành lập Tổ biên soạn xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh quy định một số nội dung liên quan đến Lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; tiến hành gửi xin ý kiến các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND cấp huyện; ý kiến đánh giá tác động của Ủy ban MTTQ tỉnh, ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, đăng tải xin ý kiến của các tổ chức, cá nhân trên cổng thông tin điện tử UBND tỉnh, tiếp thu hoàn chỉnh dự thảo các văn bản...

công tác phối hợp cụ thể. Tăng thu nhập cho (*Công an viên bán chuyên trách, Bảo vệ dân phố, Dân phòng*) nếu tiếp tục được sử dụng (*so với thời điểm chưa triển khai Luật Lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở*), nhằm cải thiện đời sống và nêu cao tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ bảo đảm ANTT ở cơ sở.

- Mỗi thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh thành lập **01 Tổ** bảo vệ ANTT.

2.2.2. Tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ ANTT

- Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh quy định một số nội dung liên quan đến người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, **mỗi thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh bố trí 01 Công an viên bán chuyên trách hoặc 01 Bảo vệ dân phố.**

- Căn cứ Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội Dân phòng trên địa bàn tỉnh, **mỗi thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh thành lập 01 Đội Dân phòng** (*gồm 01 Đội trưởng, 01 Đội phó và có từ 08-10 Đội viên*).

Như vậy, mỗi thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh đang duy trì **03 đồng chí** (*01 Công an xã bán chuyên trách hoặc Bảo vệ dân phố; 02 Dân phòng*) thực hiện nhiệm vụ tham gia bảo đảm ANTT, PCCC. Trên cơ sở các quy định của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở; căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 34 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 4 Nghị quyết số 81/2023/NĐ-HĐND của HĐND tỉnh, tiêu chí xác định việc bố trí cán bộ và mức hỗ trợ hằng tháng của cán bộ không chuyên trách, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố dựa trên quy mô dân số (*số hộ/thôn, tổ dân phố*); nhằm chủ động đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo đảm ANTT trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn hiện nay, **UBND tỉnh đề xuất**:

+ Đối với thôn, tổ dân phố có từ 500 hộ trở lên (*địa bàn rộng, dân số đông, tiềm ẩn phức tạp về ANTT*) và thôn, tổ dân phố thuộc địa bàn trọng điểm, phức tạp về ANTT: Bố trí 05 thành viên.

+ Đối với thôn có từ 350 hộ đến dưới 500 hộ (*địa bàn rộng, dân số đông, tiềm ẩn phức tạp về ANTT*): Bố trí 04 thành viên.

+ Đối với thôn, tổ dân phố còn lại: Bố trí 03 thành viên.

2.2.3. Mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng

- Nghị quyết số 81/2023/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh quy định: Công an viên bán chuyên trách và Bảo vệ dân phố hưởng mức hỗ trợ hằng tháng là **0,9** (*Hệ số lương cơ sở*). Đối với thôn có từ 350 hộ trở lên, tổ dân phố có từ 500 hộ trở lên hưởng mức hỗ trợ hằng tháng là **1,0** (*Hệ số lương cơ sở*).

- Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh quy định: Đội trưởng Đội Dân phòng hưởng mức hỗ trợ hằng tháng là: 20% mức lương tối thiểu vùng/người/tháng (*tương đương 0,4 hệ số lương cơ sở*); Đội phó Dân phòng là: 15% mức lương tối thiểu vùng/người/tháng (*tương đương 0,3 hệ số lương cơ sở*).

- Sau khi làm việc thống nhất giữa Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, trên cơ sở tiếp thu ý kiến tham gia góp ý của các đơn vị, địa phương, các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng đối với thành viên Tổ bảo vệ ANTT ở thôn, tổ dân

phố như sau: Tổ trưởng **0,9** (*bằng mức Công an viên bán chuyên trách ở thôn dưới 350 hộ và tổ dân phố dưới 500 hộ hiện nay được hưởng*); Tổ phó **0,45** (*bằng 50% Tổ trưởng*); Tổ viên **0,33** (*bằng 35% Tổ trưởng*) (*Hệ số lương cơ sở*) và phù hợp với mức phụ cấp các chức danh khác ở thôn, tổ dân phố. Đồng thời, cho Tổ trưởng, Tổ phó Tổ bảo vệ ANTT được hưởng mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng của chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội Dân phòng theo quy định tại Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội Dân phòng trên địa bàn tỉnh để bảo đảm khi thực hiện Luật Lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở, số đối tượng thụ hưởng không bị giảm thu nhập so với hiện nay, ảnh hưởng đến tâm lý, khó khăn cho việc tuyển chọn người tham gia[6] (*Có Phụ lục số 01 kèm theo*).

2.3. Trang bị cho Lực lượng tham gia bảo vệ ANTT

Bảo đảm trang bị, phương tiện và điều kiện tốt nhất để lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở thôn, tổ dân phố hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo đảm ANTT ở cơ sở.

2.3.1. Trang bị trang phục, huy hiệu, phù hiệu, biển hiệu, giấy chứng nhận: Lực lượng tham gia bảo vệ ANTT được trang bị trang phục, huy hiệu, phù hiệu, biển hiệu, giấy chứng nhận theo quy định của Chính phủ (*Có Phụ lục số 02 kèm theo*).

2.3.2. Trang bị phương tiện, thiết bị

Qua khảo sát, hiện nay lực lượng Công an xã bán chuyên trách, Bảo vệ dân phố, Dân phòng trên địa bàn tỉnh chưa được trang bị điều kiện, phương tiện, công cụ hỗ trợ cần thiết để thực hiện nhiệm vụ bảo đảm ANTT ở cơ sở. Qua nghiên cứu Nghị định của Chính phủ, Thông tư của Bộ Công an hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở, thì lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở được trang cấp phương tiện, công cụ hỗ trợ để thực hiện nhiệm vụ. Tuy nhiên, trong danh mục trang cấp còn thiếu một số phương tiện thiết yếu (*Đèn pin, còi, sổ công tác, cặp tài liệu*). Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 26 quy định ngân sách địa phương hỗ trợ mua sắm, sửa chữa phương tiện, thiết bị cho lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở thôn, tổ dân phố, căn cứ yêu cầu công tác và điều kiện thực tế trên địa bàn tỉnh; căn cứ khoản 1, Điều 4 Nghị định của Chính phủ, UBND tỉnh đề xuất hỗ trợ trang bị những phương tiện, thiết bị thiết yếu phục vụ công tác của Tổ bảo vệ ANTT ở thôn, tổ dân phố (*Có Phụ lục số 03 kèm theo*).

2.4. Tập huấn, diễn tập, hội thi, sơ kết, tổng kết, khen thưởng

- Lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở thôn, tổ dân phố được kiện toàn gồm 6.758 thành viên (*chưa được tham gia tập huấn, diễn tập*); để hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo đảm ANTT, lực lượng này thường xuyên phải được tổ chức tập huấn, diễn tập để nâng cao trình độ về chính trị, nghiệp vụ và pháp luật. Hằng năm, căn cứ chỉ đạo của Bộ Công an và yêu cầu, nhiệm vụ bảo đảm ANTT, UBND tỉnh chỉ đạo xây dựng kế hoạch chỉ đạo tổ chức tập huấn, diễn tập, hội thi và sơ kết, tổng kết bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

---

[6] Hiện nay có **2.411** người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; **1.531** Công an xã bán chuyên trách và **51** Bảo vệ dân phố đang kiêm nhiệm chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội Dân phòng và được hưởng 100% phụ cấp kiêm nhiệm.

- Căn cứ điểm a, khoản 2 Điều 23 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ ANTT khi được cử đi tập huấn, diễn tập, hội thi thành viên Tổ bảo vệ ANTT được hưởng bồi dưỡng bằng mức tiền ăn cơ bản của chiến sĩ nghĩa vụ Công an nhân dân; căn cứ điểm a, d, khoản 1, Điều 26 quy định ngân sách địa phương hỗ trợ công tác tập huấn, hội thi, sơ kết, tổng kết, khen thưởng đối với Lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở; căn cứ Phụ lục số 10 Quyết định số 1233/QĐ-UNND ngày 21/6/2021 của UBND tỉnh ban hành Đề án "Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của lực lượng Công an xã chính quy trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025"[7], UBND tỉnh trình HĐND tỉnh mức hỗ trợ kinh phí khi tổ chức tập huấn, diễn tập, hội thi, sơ tết, tổng kết, khen thưởng theo Chương trình của Bộ (*Có Phụ lục số 04 kèm theo*).

2.5. Một số chế độ, chính sách đối với thành viên Tổ bảo vệ ANTT

- Quan tâm giải quyết chế độ, chính sách đối với lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở thôn, tổ dân phố. Kịp thời động viên lực lượng yên tâm công tác, khắc phục khó khăn, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo đảm ANTT trên địa bàn.

- Lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở được tổ chức, bố trí và thực hiện nhiệm vụ tại địa bàn thôn, tổ dân phố, có tính tương đồng và gần giống với lực lượng Dân quân tự vệ; đồng thời lực lượng Công an xã bán chuyên trách trên địa bàn tỉnh đang được hỗ trợ kinh phí trong thực hiện nhiệm vụ bảo đảm ANTT theo các Nghị quyết của HĐND tỉnh và các Đề án của UBND tỉnh. Trong khi, Nghị định của Chính phủ không quy định cụ thể một số mức chi đối với lực lượng tham gia bảo vệ ANTT (*giao cho HĐND cấp tỉnh quy định*), UBND tỉnh trình HĐND tỉnh cho lực lượng tham gia bảo vệ ANTT vận dụng hưởng một số chế độ, chính sách như lực lượng Dân quân tự vệ và theo các Nghị quyết của HĐND tỉnh, Đề án của UBND tỉnh đang thực hiện như sau:

2.5.1. Được hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện (*0,14 hệ số lương cơ sở*), bảo hiểm y tế (*0,03 hệ số lương cơ sở*)[8] (*Có Phụ lục số 05 kèm theo*).

2.5.2. Khi làm việc từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau, ngày nghỉ, ngày lễ (*theo quyết định huy động của Chủ tịch UBND cấp xã*), khi thực hiện công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật về lao động thì được hưởng mức tiền bồi dưỡng bằng **30.000đ/người/lần**, nhưng không quá **180.000đ**/người/tháng; trong trường hợp cần thiết phải huy động thêm số buổi để giải quyết tình hình ANTT, Trưởng Công an cấp xã báo cáo, đề xuất Chủ tịch UBND cùng cấp quyết định (*Có phụ lục số 06 kèm theo*).

2.5.3. Khi làm nhiệm vụ tại những nơi thuộc miền núi, vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số hoặc tại đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về ANTT, quốc phòng được hưởng mức tiền bồi dưỡng ngày công lao động tăng thêm theo quy định của pháp luật về hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực[9].

---

[7] UBND tỉnh hỗ trợ kinh phí khi tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho lực lượng Công an xã.

[8] Khoản 1, Điều 85 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; Điều 13 Luật Bảo hiểm y tế và khoản 1, Điều 7 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

[9] Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBDT ngày 05/11/2005 giữa Bộ Nội vụ - Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính và Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực.

2.5.4. Khi được điều động, huy động, cử đi thực hiện nhiệm vụ ngoài địa bàn phụ trách (*cấp huyện, cấp xã khác trong tỉnh*) thì được cơ quan điều động, huy động, cử đi thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phương tiện đi lại, hỗ trợ ăn, nghỉ trong thời gian làm nhiệm vụ bằng mức hỗ trợ của tỉnh khi huy động Dân quân tự vệ[10].

2.5.5. Nếu chưa tham gia bảo hiểm y tế mà bị ốm, bị tai nạn, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ thì được hưởng chi phí khám bệnh, chữa bệnh như mức hưởng bảo hiểm y tế cho hạ sĩ quan CAND đang công tác trong lực lượng CAND và được hỗ trợ tiền ăn hằng ngày trong thời gian điều trị nội trú đến khi ổn định sức khỏe ra viện bằng mức tiền ăn của chiến sĩ nghĩa vụ CAND[11].

2.5.6. Nếu chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, chết khi thực hiện nhiệm vụ thì được hưởng:

- Trong trường hợp bị tai nạn phải điều trị tại bệnh viện (*kể cả vết thương tái phát*) thì được hưởng như quy định tại điểm 2.5.5 văn bản này. Nếu tai nạn làm suy giảm khả năng lao động 5% thì được hưởng 7.450.000đ; sau đó, cứ suy giảm 1% thì được hưởng thêm 750.000đ (*theo Kết luận của Hội đồng giám định y khoa*)[12].

- Trường hợp bị tai nạn dẫn đến chết: Thân nhân được trợ cấp tiền tuất bằng 53.640.000đ; người lo mai táng được nhận tiền mai táng phí bằng 14.900.000đ[13].

- Trường hợp bị ốm đau dẫn đến chết: Thân nhân được trợ cấp tiền tuất bằng 7.450.000đ; người lo mai táng được nhận tiền mai táng phí bằng 14.900.000đ[14].

2.5.7. Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định một số nội dung liên quan đến lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở thôn, tổ dân phố có hiệu lực sẽ bãi bỏ chức danh, mức phụ cấp đối với Trưởng ban Bảo vệ dân phố ở phường tại khoản 6, Điều 2 và chức danh, mức phụ cấp đối với Công an viên bán chuyên trách ở thôn, tổ dân phố thuộc xã, thị trấn (*Bảo vệ dân phố thuộc phường*) tại khoản 2, Điều 4 Nghị quyết số 81/2023/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh. Trên cơ sở đó, lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở thôn, tổ dân phố được thành lập sẽ thay thế (*Công an xã bán chuyên trách, Bảo vệ dân phố*) thực hiện 06 nhiệm vụ bảo đảm ANTT và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ theo quy định của Luật. Mặt khác, theo Nghị quyết số 81 của HĐND tỉnh, Công an xã bán chuyên trách, Bảo vệ dân phố được xác định là người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố, được hưởng phụ cấp và phụ cấp kiêm nhiệm. Do đó, việc quy định lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở thôn, tổ dân phố là "Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố", được kiêm nhiệm và hưởng chế độ kiêm nhiệm theo văn bản hiện hành của HĐND tỉnh là phù hợp và hài hòa với các chức danh khác ở thôn, tổ dân phố.

---

[10] Nghị quyết số 26/2921/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh quy định mức trợ cấp ngày công lao động cho dân quân khi có quyết định huy động, điều động làm nhiệm vụ hoặc thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch do cấp có thẩm quyền phê duyệt trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

[11] Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức, xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ.

[12] Điểm a, khoản 3 Điều 15 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức, xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ.

[13] Điểm b, khoản 3 Điều 15 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức, xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ.

[14] Điểm c, khoản 3 Điều 15 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức, xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ.

2.6. Kinh phí thực hiện: Năm đầu khoảng 194 tỷ, từ năm thứ hai khoảng 182 tỷ (*Có Phụ lục số 07 kèm theo*)

2.6.1. Ngân sách cấp tỉnh (*khoảng 159 tỷ*): Bảo đảm kinh phí chi trả mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng; kinh phí hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế đối với các huyện (*trừ thành phố Bắc Giang và thị xã Việt Yên*); kinh phí trang bị trang phục, huy hiệu, phù hiệu cho thành viên Tổ bảo vệ ANTT và kinh phí tập huấn, diễn tập, sơ kết, tổng kết, khen thưởng (*tăng so với hiện nay khoảng 80,3 tỷ*[15]): **(1)** Chi hỗ trợ hằng tháng khoảng 96,7 tỷ; **(2)** Chi trang bị trang phục lần đầu khoảng 40 tỷ; **(3)** Chi hỗ trợ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội tự nguyện (*nếu tham gia đóng*) khoảng 21,3 tỷ; **(4)** Chi tập huấn, diễn tập, hội thi khoảng 01 tỷ.

2.6.2. Ngân sách cấp huyện (*khoảng 35,4 tỷ*): **(1)** Chi hỗ trợ hằng tháng khoảng 15,6 tỷ; **(2)** Chi hỗ trợ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội tự nguyện (*nếu tham gia đóng*) khoảng 3,7 tỷ; **(3)** Chi hỗ trợ trang bị phương tiện thiết yếu khoảng 1,4 tỷ; **(4)** Chi hỗ trợ thành viên Tổ bảo vệ ANTT tham gia tuần tra bảo đảm ANTT khoảng 14,7 tỷ; trong đó:

- Ngân sách thành phố Bắc Giang, thị xã Việt Yên (*khoảng 21,5 tỷ*): Bảo đảm kinh phí thực hiện các chế độ chính sách đối với Tổ bảo vệ ANTT (*trừ kinh phí trang bị trang phục, huy hiệu, phù hiệu cho thành viên Tổ bảo vệ ANTT và kinh phí tập huấn, diễn tập, sơ kết, tổng kết, khen thưởng do ngân sách cấp tỉnh đảm bảo*).

- Ngân sách các huyện còn lại (*khoảng 13,9 tỷ*): Bảo đảm kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách quy định tại tiết 2.3.2; 2.5.2, 2.5.3, 2.5.4, 2.5.5, 2.5.6 văn bản này.

2.7. Lập dự toán và thanh, quyết toán kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với Tổ bảo vệ ANTT ở thôn, tổ dân phố

Để Nghị quyết của HĐND tỉnh được triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế và bảo đảm sự thống nhất, tránh chồng chéo, đùn đẩy trong việc lập dự toán, thanh quyết toán kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở thôn, tổ dân phố trên phạm vi toàn tỉnh, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quy định việc lập dự toán và thanh, quyết toán kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với Tổ bảo vệ ANTT ở thôn, tổ dân phố.

2.7.1. Lập dự toán

- Đối với kinh phí hỗ trợ thường xuyên hằng tháng, kinh phí hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế.

+ Đối với thành phố Bắc Giang và thị xã Việt Yên: Hằng năm cùng với thời điểm lập tự toán ngân sách năm kế hoạch; Công an thành phố, thị xã phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện gửi về Phòng Tài chính Kế hoạch để tổng hợp tham mưu UBND thành phố, thị xã trình HĐND cùng cấp bố trí kinh phí ngân sách cấp thành phố, thị xã hỗ trợ dưới hình thức bổ sung cho các xã, phường ngay từ dự toán đầu năm để triển khai thực hiện.

+ Đối với các huyện còn lại: Hằng năm, cùng với thời điểm lập dự toán ngân sách năm kế hoạch; Công an tỉnh phối hợp với các huyện tổng hợp dự toán kinh phí

---

[15] Căn cứ vào Nghị quyết số 22, 81 của HĐND tỉnh, hằng năm ngân sách tỉnh đang chi trả phụ cấp cho lực lượng Công an xã bán chuyên trách, Bảo vệ dân phố, Dân phòng khoảng **78,7 tỷ.**

hỗ trợ cho Tổ bảo vệ ANTT ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh gửi Sở Tài chính để tổng hợp tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bố trí kinh phí ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ dưới hình thức bổ sung cho các huyện ngay từ dự toán đầu năm để triển khai thực hiện.

- Đối với kinh phí trang bị trang phục, huy hiệu, phù hiệu cho thành viên Tổ bảo vệ ANTT; kinh phí tập huấn, diễn tập, sơ kết, tổng kết, khen thưởng: Hằng năm, cùng với thời điểm lập tự toán ngân sách năm kế hoạch; Công an tỉnh phối hợp với các huyện, thành phố, thị xã tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện gửi Sở Tài chính để tổng hợp tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bố trí dự toán ngay từ đầu năm cho Công an tỉnh để triển khai thực hiện.

- Đối với kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách quy định tại tiết 2.3.2; 2.5.2, 2.5.3, 2.5.4, 2.5.5, 2.5.6 văn bản này: Hằng năm cùng với thời điểm lập dự toán ngân sách năm kế hoạch; Công an các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với UBND các xã, phường, thị trấn tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện gửi Phòng Tài chính Kế hoạch để tổng hợp tham mưu UBND huyện, thị xã, thành phố trình HĐND cùng cấp bố trí kinh phí ngân sách cấp huyện, thị xã, thành phố hỗ trợ dưới hình thức bổ sung cho các xã, phường, thị trấn ngay từ dự toán đầu năm để triển khai thực hiện.

2.7.2. Thanh, quyết toán kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với Tổ bảo vệ ANTT ở thôn, tổ dân phố

Việc thanh, quyết toán kinh phí thực hiện chế độ chính sách đối với Tổ bảo vệ ANTT ở thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

V. THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT

1. Trình HĐND tỉnh: Kỳ họp tháng 6/2024 (*kỳ họp giữa năm*).

2. Nghị quyết này thông qua sẽ bãi bỏ chức danh, mức phụ cấp đối với Trưởng ban Bảo vệ dân phố ở phường tại khoản 6, Điều 2 và chức danh, mức phụ cấp đối với Công an viên bán chuyên trách ở thôn, tổ dân phố thuộc xã, thị trấn (*Bảo vệ dân phố thuộc phường*) tại khoản 2, Điều 4 Nghị quyết số 81/2023/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết để triển khai thực hiện (*Kèm theo dự thảo Nghị quyết và các tài liệu có liên quan*)./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TH;
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

PHỤ LỤC SỐ 01
Khái toán dự kiến chi kinh phí hỗ trợ thường xuyên hằng tháng đối với thành viên Tổ bảo vệ ANTT
(Kèm theo Tờ trình số ....TTr-UBND ngày .../.../2024 của UBD tỉnh)

I. KINH PHÍ CẤP TỈNH

1. Kinh phí hỗ trợ thường xuyên hằng tháng

STT	Chức danh	Số lượng	Mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng (*Hệ số so với mức lương cơ sở*)	Kinh phí 01 tháng (đồng)	Kinh phí 01 năm (đồng)
1	Tổ trưởng	1.843	0,9	2.985.660.000	35.827.920.000
2	Tổ phó	1.843	0,45	1.492.830.000	17.913.960.000
3	Tổ viên	2.127	0,33	1.263.438.000	15.161.256.000
Tổng cộng:				**5.741.928.000**	**68.903.136.000**

2. Kinh phí kiêm nhiệm Đội trưởng, Đội phó Đội Dân phòng

STT	Chức danh	Số lượng	Mức phụ cấp kiêm nhiệm	Kinh phí 01 tháng (đồng)	Kinh phí 01 năm (đồng)
1	Tổ trưởng	1.843	20% mức lương tối thiểu vùng/người/tháng (*khoảng 0,4*)	1.326.960.000	15.923.520.000
2	Tổ phó	1.843	15% mức lương tối thiểu vùng/người/tháng (*khoảng 0,3*)	995.220.000	11.942.640.000
Tổng cộng:				**2.322.180.000**	**27.866.160.000**

II. KINH PHÍ CẤP HUYỆN

1. Thành phố Bắc Giang

STT	Chức danh	Số lượng	Mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng (*Hệ số so với mức lương cơ sở*)	Kinh phí 01 tháng (đồng)	Kinh phí 01 năm (đồng)
1	**Kinh phí hỗ trợ thường xuyên hằng tháng**			**492.264.000**	**5.907.168.000**
1.1	Tổ trưởng	151	0,9	244.620.000	2.935.440.000
1.2	Tổ phó	151	0,45	122.310.000	1.467.720.000
1.3	Tổ viên	211	0,33	125.334.000	1.504.008.000

2	**Kinh phí kiêm nhiệm Đội trưởng, Đội phó Đội Dân phòng**			**190.260.000**	**2.283.120.000**
2.1	Tổ trưởng	151	20% mức lương tối thiểu vùng/người/tháng (*khoảng 0,4*)	108.720.000	1.304.640.000
2.2	Tổ phó	151	15% mức lương tối thiểu vùng/người/tháng (*khoảng 0,3*)	81.540.000	978.480.000
Tổng cộng: 1+2					**8.190.288.000**

2. Thị xã Việt Yên

STT	Chức danh	Số lượng	Mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng (*Hệ số so với mức lương cơ sở*)	Kinh phí 01 tháng (đồng)	Kinh phí 01 năm (đồng)
1	**Kinh phí hỗ trợ thường xuyên hằng tháng**			**453.924.000**	**5.447.088.000**
1.1	Tổ trưởng	134	0,9	217.080.000	2.604.960.000
1.2	Tổ phó	134	0,45	108.540.000	1.302.480.000
1.3	Tổ viên	216	0,33	128.304.000	1.539.648.000
2	**Kinh phí kiêm nhiệm Đội trưởng, Đội phó Đội Dân phòng**			**168.840.000**	**2.026.080.000**
2.1	Tổ trưởng	134	20% mức lương tối thiểu vùng/người/tháng (*khoảng 0,4*)	96.480.000	1.157.760.000
2.2	Tổ phó	134	15% mức lương tối thiểu vùng/người/tháng (*khoảng 0,3*)	72.360.000	868.320.000
Tổng cộng: 1 + 2					**7.473.168.000**

Ghi chú:

- Kinh phí hỗ trợ thường xuyên thằng tháng do ngân sách tỉnh bảo đảm dưới hình thức bổ sung cho ngân sách cho 08 huyện, thành phố (*trừ thành phố Bắc Giang, thị xã Việt Yên*) để triển khai thực hiện (*khoảng 96 tỷ/năm*).

- Riêng thành phố Bắc Giang, thị xã Việt Yên đảm bảo ngân sách kinh phí hỗ trợ thường xuyên hằng tháng cho thành viên Tổ bảo vệ ANTT *(khoảng 15,5 tỷ/năm).*

- Thực hiện theo Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở./.

PHỤ LỤC SỐ 02

Khái toán dự kiến chi kinh phí hỗ trợ trang bị phương tiện, thiết bị cho Tổ bảo vệ ANTT ở cơ sở

(Kèm theo Tờ trình số ....TTr-UBND ngày .../.../2024 của UBD tỉnh)

TT	Trang bị	ĐVT	Tiêu chuẩn	Niên hạn (năm)	Đơn giá tham khảo
1	Đèn pin ĐL14	Cái	01	01	548.000 cái
2	Còi	Cái	01	01	90.000/cái
3	Sổ công tác	Quyển	01	01	30.000/quyển
4	Văn phòng phẩm	Theo yêu cầu công tác			
Tổng					**668.000đ/1 Tổ**
Dự kiến kinh phí trang bị phương tiện cho 2.128 Tổ bảo vệ ANTT năm đầu tiên: 1.421.504.000đ.					

Ghi chú:

- Nguồn kinh phí trang bị những phương tiện, thiết bị thiết yếu (*đèn pin, sổ công tác...*) phục vụ công tác của Tổ bảo vệ ANTT ở thôn, tổ dân phố do ngân sách cấp huyện đảm bảo, UBND cấp xã thực hiện.

- Trang bị các điều kiện: Bàn ghế làm việc; tủ đựng hồ sơ, tài liệu...; công cụ hỗ trợ theo do Bộ Công an bảo đảm (*theo quy định của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở*).

- Thực hiện theo Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở.

PHỤ LỤC SỐ 03

Khái toán dự kiến kinh phí trang phục cho thành viên Tổ bảo vệ ANTT ở cơ sở

(Kèm theo Tờ trình số ....TTr-UBND ngày .../.../2024 của UBD tỉnh)

1. Tiêu chuẩn trang bị lần đầu

TT	Trang bị	ĐVT	Số lượng	Đơn giá tham khảo	Thành tiền (đồng)
1	Mũ mềm gắn huy hiệu	Cái	01	85.000	85.000
2	Mũ cứng gắn huy hiệu	Cái	01	100.000	100.000
3	Mũ bông gắn huy hiệu	Cái	01	151.000	151.000
4	Mũ bảo hiểm	Cái	01	275.000	275.000
5	Quần áo xuân hè	Bộ	02	437.000	874.000
6	Áo xuân hè dài tay	Cái	02	245.000	490.000
7	Quần áo thu đông	Bộ	02	545.000	1.090.000
8	Áo ấm	Cái	02	545.000	1.090.000
9	Áo sơ mi	Cái	02	237.600	475.200
10	Ca ra vát	Cái	01	40.000	40.000
11	Dây lưng	Cái	01	248.400	248.400
12	Giầy da	Cái	01	448.200	448.200
13	Dép nhựa	Đôi	01	81.000	81.000
14	Bít tất	Đôi	02	32.400	64.800
15	Quần áo mưa	Bộ	01	383.400	383.400
Tổng					**5.878.000đ/1người**

Dự kiến kinh phí trang bị trang phục (**6.810** Tổ viên Tổ bảo vệ ANTT năm đầu tiên khoảng: 40.029.180.000 (hiện nay đang chi **4,7** tỷ đồng/năm.

2. Trang bị những năm tiếp theo

TT	Trang bị	ĐVT	Số lượng	Niên hạn (năm)
1	Mũ mềm gắn huy hiệu	Cái	01	03
2	Mũ cứng gắn huy hiệu	Cái	01	03
3	Mũ bông gắn huy hiệu	Cái	01	03
4	Mũ bảo hiểm	Cái	01	05
5	Quần áo xuân hè	Bộ	01	01
6	Áo xuân hè dài tay	Cái	01	02
7	Quần áo thu đông	Bộ	01	02
8	Áo ấm	Cái	01	03
9	Áo sơ mi	Cái	02	02
10	Ca ra vát	Cái	01	02
11	Dây lưng	Cái	01	03
12	Giầy da	Cái	01	02
13	Dép nhựa	Đôi	01	01
14	Bít tất	Đôi	02	01
15	Áo mưa	Cái	01	03

Ghi chú:

- Ngân sách tỉnh bảo đảm, bố trí dự toán hằng năm cho Công an tỉnh thực hiện.
- Thực hiện theo Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở.

PHỤ LỤC SỐ 04

Khái toán dự kiến chi kinh phí hỗ trợ huấn luyện, bồi dưỡng, diễn tập, hội thi sơ tết, tổng kết cho Lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở thôn, tổ dân phố

(Kèm theo Tờ trình số ....TTr-UBND ngày .../.../2024 của UBD tỉnh)

STT	Nội dung chi	Mức chi (đồng)	Số lượng	Thời gian	Thành tiền (đồng)	Nguồn vốn
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
1	Chi hỗ trợ tiền ăn	70.000	2.128	05	744.800.000	Ngân sách tỉnh bố trí thêm vào dự toán hằng năm cho Công an tỉnh
2	Chi nước uống	10.000	2.128	05	106.400.000	
3	In tài liệu, mua tài liệu bổ trợ	65.000	2.128	/người	138.320.000	
4	Thù lao chấm bài thi/thu hoạch	10.000	2.128	/bài	21.280.000	
5	Cấp chứng chỉ	15.000	2.128	/người	31.920.000	
6	Thù lao coi thi	200.000	2.128		Theo thực tế	
7	Chi ra đề thi	400.000	/đề		Theo thực tế	
8	Chi thuê hội trường	1.000.000	/ngày	05	Theo số lớp	
9	Chi hội thi	Theo chỉ đạo của Bộ Công an				
10	Chi sơ kết, tổng kết, khen thưởng	Theo chỉ đạo của Bộ Công an				
Dự kiến kinh phí huấn luyện, bồi dưỡng, diễn tập 01 năm đối với Tổ trưởng Tổ bảo vệ ANTT (*không tính các nội dung chưa có căn cứ lập dự toán cụ thể*)					**1.042.720.000**	

Ghi chú:

- Ngân sách tỉnh bảo đảm; bố trí dự toán hằng năm cho Công an tỉnh thực hiện. Hằng năm, Công an tỉnh lập dự toán kinh phí phục vụ huấn luyện, bồi dưỡng, diễn tập, hội thi sơ tết, tổng kết cho Lực Lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở báo cáo, đề xuất UBND tỉnh quyết định.

- Thực hiện theo Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở.

PHỤ LỤC SỐ 05

Khái toán dự kiến chi kinh phí hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế đối với thành viên Tổ bảo vệ ANTT ở thôn, tổ dân phố

(Kèm theo Tờ trình số ....TTr-UBND ngày .../.../2024 của UBD tỉnh)

1. NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

STT	Chức danh	Số lượng	Mức hỗ trợ bảo hiểm xã hội (*Hệ số so với mức lương cơ sở*)	Mức hỗ trợ bảo hiểm y tế (*Hệ số so với mức lương cơ sở*)	Kinh phí 01 năm (đồng)
1	Tổ trưởng	1.843	0,14	0,03	6.767.496.000
2	Tổ phó	1.843	0,14	0,03	6.767.496.000
3	Tổ viên	2.127	0,14	0,03	7.810.344.000
Tổng cộng:					**21.345.336.000**

II. NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN

1. Thành phố Bắc Giang

STT	Chức danh	Số lượng	Mức hỗ trợ bảo hiểm xã hội (*Hệ số so với mức lương cơ sở*)	Mức hỗ trợ bảo hiểm y tế (*Hệ số so với mức lương cơ sở*)	Kinh phí 01 năm (đồng)
1	Tổ trưởng	151	0,14	0,03	554.472.000
2	Tổ phó	151	0,14	0,03	554.472.000
3	Tổ viên	211	0,14	0,03	774.792.000
Tổng cộng:					**1.883.736.000**

2. Thị xã Việt Yên

STT	Chức danh	Số lượng	Mức hỗ trợ bảo hiểm xã hội (*Hệ số so với mức lương cơ sở*)	Mức hỗ trợ bảo hiểm y tế (*Hệ số so với mức lương cơ sở*)	Kinh phí 01 năm (đồng)
1	Tổ trưởng	134	0,14	0,03	492.048.000
2	Tổ phó	134	0,14	0,03	492.048.000
3	Tổ viên	216	0,14	0,03	793.152.000
Tổng cộng:					**1.777.248.000**

Ghi chú:

- Mức hỗ trợ bằng cán bộ không chuyên trách cấp xã. Kinh phí chi thực hiện hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế (*khoảng 21,35 tỷ đồng*) do ngân sách cấp tỉnh bảo đảm.

- Trừ thành phố Bắc Giang (**513 thành viên = 1.883.736.000**) và thị xã Việt Yên (**484 thành viên = 1.777.248.000**) do ngân sách cấp huyện bảo đảm.

- Thực hiện theo Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở./.

PHỤ LỤC SỐ 06

Khái toán dự kiến chi kinh phí hỗ trợ công tác tuần tra cho thành viên Tổ bảo vệ ANTT ở thôn, tổ dân phố

(Kèm theo Tờ trình số ....TTr-UBND ngày .../.../2024 của UBD tỉnh)

STT	Chức danh	Số lượng	Mức hỗ trợ công tác tuần tra (30.000đ/buổi, 1 tháng không quá 180.000đ)	Kinh phí 01 tháng (đồng)	Kinh phí 01 năm (đồng)
1	Tổ trưởng	2.128	180.000	383.040.000	4.596.480.000
2	Tổ phó	2.128	180.000	383.040.000	4.596.480.000
3	Tổ viên	2.554	180.000	459.720.000	5.516.640.000
Tổng cộng:				**1.225.800.000**	**14.709.600.000**

**** Ghi chú:*** Kinh phí hỗ trợ công tác tuần tra cho thành viên Tổ bảo vệ ANTT ở thôn, tổ dân phố do ngân sách cấp huyện đảm bảo.

PHỤ LỤC SỐ 07A

DỰ TOÁN KINH PHÍ TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT HĐND TỈNH

Liên quan đến Lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

(*Kèm theo Tờ trình số ....TTr-UBND ngày .../.../2024 của UBD tỉnh*)

TT	NỘI DUNG	Kinh phí 01 tháng (đồng)	Kinh phí 01 năm (đồng)	Đơn vị thực hiện
A	**NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (I + II + III + IV)**		**159.309.112.000**	
I	**KINH PHÍ HỖ TRỢ THƯỜNG XUYÊN HẰNG THÁNG ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN TỔ BẢO VỆ ANTT** (*08 huyện, trừ thành phố Bắc Giang, thị xã Việt Yên*)	**8.064.108.000**	**96.769.296.000**	*UBND cấp huyện*
1	Kinh phí hỗ trợ thường xuyên hằng tháng - Tổ trưởng: 1.843 đ/c x 0,9 x 1.800.000: 2.985.660.000 - Tổ phó: 1.843 đ/c x 0,45 x 1.800.000: 1.492.830.000 - Tổ viên: 2.127 đ/c x 0,33 x 1.800.000: 1.263.438.000 ** Hệ số so với mức lương cơ sở (1.800.000).*	5.741.928.000	68.903.136.000	
2	Kinh phí kiêm nhiệm Đội trưởng, Đội phó Đội Dân phòng - Tổ trưởng: 1.843 đ/c x 0,4 x 1.800.000: 1.326.960.000 - Tổ phó: 1.843 đ/c x 0,3 x 1.800.000: 995.220.000 ** Tổ trưởng: Mức phụ cấp kiêm nhiệm: 20% mức lương tối thiểu vùng/người/tháng (khoảng 0,4);* ** Tổ phó: Mức phụ cấp kiêm nhiệm: 15% mức lương tối thiểu vùng/người/tháng (khoảng 0,3%).*	2.322.180.000	27.866.160.000	
II	**KINH PHÍ TRANG PHỤC CHO THÀNH VIÊN TỔ BẢO VỆ ANTT Ở CƠ SỞ** (*6.810 Tổ viên*) *áp dụng cho năm đầu tiên*		**40.151.760.000**	*Công an tỉnh*
1	Mũ mềm gắn huy hiệu: 6.810đ/c x 1cái x 85.000.		578.850.000	
2	Mũ cứng gắn huy hiệu: 6.810đ/c x 1cái x 100.000.		681.000.000	

3	Mũ bông gắn huy hiệu: 6.810đ/c x 1cái x 151.000.		1.028.310.000	
4	Mũ bảo hiểm: 6.810đ/c x 1cái x 275.000.		1.872.750.000	
5	Quần áo xuân hè: 66.810đ/c x 2cái x 437.000.		5.951.940.000	
6	Áo xuân hè dài tay: 6.810đ/c x 2cái x 245.000.		3.336.900.000	
7	Quần áo thu đông: 6.810đ/c x 2cái x 545.000.		7.422.900.000	
8	Áo ấm: 6.810đ/c x 2cái x 545.000.		7.422.900.000	
9	Áo sơ mi: 6.810đ/c x 2cái x 237.600.		3.236.112.000	
10	Cara vát: 6.810đ/c x 1cái x 40.000.		272.400.000	
11	Dây lưng: 6.810đ/c x 1cái x 248.400.		1.691.604.000	
12	Giầy da: 6.810đ/c x 1cái x 448.200.		3.052.242.000	
13	Dép nhựa: 6.810đ/c x 1cái x 81.000.		551.610.000	
14	Bít tất: 6.810đ/c x 2cái x 32.400.		441.288.000	
15	Quần áo mưa: 6.810đ/c x 1cái x 383.400.		2.610.954.000	
Những năm tiếp theo dự kiến chi khoảng: 28.084.440.000*/năm*				
III	**KINH PHÍ HỖ TRỢ HUẤN LUYỆN, BỒI DƯỠNG, DIỄN TẬP, HỘI THI SƠ KẾT, TỔNG KẾT CHO LỰC LƯỢNG THAM GIA BẢO VỆ ANTT Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ** (*cho 2.128 đ/c Tổ trưởng x 05 ngày*)		**1.042.720.000**	*Công an tỉnh*
1	Chi hỗ trợ tiền ăn: 70.000 x 2.128đ/c x 05 ngày: 744.800.000.			
2	Chi nước uống: 10.000 x 2.128đ/c x 05 ngày: 106.400.000.			
3	In tài liệu, mua tài liệu bổ trợ: 65.000 x 2.128đ/c: 138.320.000.			
4	Thù lao chấm bài thi/thu hoạch: 10.000 x 2.128đ/c: 21.280.000.			
5	Cấp chứng chỉ: 15.000 x 2.128đ/c: 31.920.000.			
6	Thù lao coi thi: Theo thực tế.			

7	Chi ra đề thi: Thep thực tế.			
8	Chi thuê hội trường: Theo thực tế.			
9	Chi hội thi: Theo chỉ đạo của Bộ Công an.			
10	Chi sơ kết, tổng kết, khen thưởng: Theo chỉ đạo của Bộ Công an.			
IV	**KINH PHÍ HỖ TRỢ ĐÓNG BẢO HIỂM XÃ HỘI TỰ NGUYỆN, BẢO HIỂM Y TẾ** (*08 huyện, trừ thành phố Bắc Giang, thị xã Việt Yên*)	**1.778.778.000**	**21.345.336.000**	*UBND huyện*
1	Tổ trưởng: 1.843đ/c x 1.800.000 x (0,14 + 0,03)	563.958.000	6.767.496.000	
2	Tổ phó: 1.843đ/c x 1.800.000 x (0,14 + 0,03)	563.958.000	6.767.496.000	
3	Tổ viên: 2.127đ/c x 1.800.000 x (0,14 + 0,03)	650.862.000	7.810.344.000	
B	**NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN (I + II + III + IV)**		**35.455.544.000**	
I	**KINH PHÍ HỖ TRỢ CHI THƯỜNG XUYÊN HẰNG THÁNG ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN TỔ BẢO VỆ ANTT** *(kinh phí hỗ trợ thường xuyên hằng tháng và kinh phí kiêm nhiệm Đội trưởng, Đội phó Đội Dân phòng)*	**1.305.288.000**	**15.663.456.000**	*UBND thành phố Bắc Giang, UBND thị xã Việt Yên*
1	Thành phố Bắc Giang	682.524.000	8.190.288.000	
2	Thị xã Việt Yên	622.764.000	7.473.168.000	
I	**KINH PHÍ HỖ TRỢ ĐÓNG BẢO HIỂM XÃ HỘI TỰ NGUYỆN, BẢO HIỂM Y TẾ** (*áp dụng đối với thành phố Bắc Giang, thị xã Việt Yên*)	**305.082.000**	**3.660.984.000**	*UBND thành phố Bắc Giang, UBND thị xã Việt Yên*
1	Thành phố Bắc Giang: 513đ/c x 1.800.000 x (0,14 + 0,03)	156.978.000	1.883.736.000	
2	Thị xã Việt Yên: 484đ/c x 1800.000 x (0,14 + 0,03)	148.104.000	1.777.248.000	
III	**KINH PHÍ HỖ TRỢ TRANG BỊ PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ CHO TỔ BẢO VỆ ANTT Ở CƠ SỞ** (*2.128 Tổ*)		**1.421.504.000**	*UBND cấp xã*
1	Đèn pin ĐL 14: 01 cái x 548.000 x 2.128 Tổ.		1.166.144.000	

2	Còi: 01 cái x 90.000 x 2.128 Tổ.		191.520.000	
3	Sổ công tác: 01 quyển x 30.000 x 2.128 Tổ.		63.840.000	
4	Văn phòng phẩm (*theo yêu cầu công tác thực tế*).			
IV	**KINH PHÍ HỖ TRỢ CÔNG TÁC TUẦN TRA CHO THÀNH VIÊN TỔ BẢO VỆ ANTT Ở CƠ SỞ (áp dụng đối với các huyện, thị xã, thành phố: 6.810 thành viên)** Mỗi tháng không quá 180.000đ/1 thành viên.	**1.225.800.000**	**14.709.600.000**	*UBND cấp xã*
	TỔNG KINH PHÍ: A + B		**194.764.656.000**	
	Bằng chữ: Một trăm chín mươi tư tỷ bẩy trăm sáu mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn đồng./.			

*** Lưu ý:** *Tại một số nội dung chi căn cứ theo tình hình thực tế hằng năm, các cấp cân đối lập dự toán kinh phí bảo đảm theo quy định.*

PHỤC LỤC 07B
KHÁI TOÁN KINH PHÍ
Dự kiến cấp tỉnh, huyện chi hỗ trợ đối với thành viên Tổ bảo vệ ANTT ở thôn, tổ dân phố
(Kèm theo Tờ trình số ....TTr-UBND ngày .../.../2024 của UBD tỉnh)

I. CẤP TỈNH CHI

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	**KINH PHÍ HỖ TRỢ THƯỜNG XUYÊN HẰNG THÁNG ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN TỔ BẢO VỆ ANTT** (*08 huyện, trừ thành phố Bắc Giang, thị xã Việt Yên*)	96.769.296.000
2	**KINH PHÍ TRANG PHỤC CHO THÀNH VIÊN TỔ BẢO VỆ ANTT Ở CƠ SỞ** (*6.810 Tổ viên*) *áp dụng cho năm đầu tiên*	40.151.760.000
3	**KINH PHÍ HỖ TRỢ HUẤN LUYỆN, BỒI DƯỠNG, DIỄN TẬP, HỘI THI SƠ KẾT, TỔNG KẾT CHO LỰC LƯỢNG THAM GIA BẢO VỆ ANTT Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ** (*cho 2.128 đ/c Tổ trưởng x 05 ngày*)	1.042.720.000
4	**KINH PHÍ HỖ TRỢ ĐÓNG BẢO HIỂM XÃ HỘI TỰ NGUYỆN, BẢO HIỂM Y TẾ** (*08 huyện, trừ thành phố Bắc Giang, thị xã Việt Yên*)	21.345.336.000
	TỔNG	**159.309.112.000**
Bằng chữ: Một trăm năm mươi chín tỷ ba trăm linh chín triệu một trăm mười hai nghìn đồng./.		

II. CẤP HUYỆN CHI

TT	Huyện, TX, TP	Tổng số thôn, tổ dân phố	Tổng số thành viên	Tuần tra (01 năm)	Trang bị, phương tiện, thiết yếu (2.128 tổ/năm)	Kinh phí chi thường xuyên (01 năm)	Bảo hiểm xã hội (01 năm)	Bảo hiểm y tế (01 năm)	Tổng *(đồng)*
1	Sơn Động	124	377	814.320.000	82.832.000				**897.152.000**
2	Lục Ngạn	322	984	2.125.440.000	215.096.000				**2.340.536.000**
3	Lục Nam	282	896	1.935.360.000	188.376.000				**2.123.736.000**
4	Lạng Giang	261	836	1.805.760.000	174.348.000				**1.980.108.000**
5	Yên Thế	197	591	1.276.560.000	131.596.000				**1.408.156.000**
6	Tân Yên	317	962	2.077.920.000	211.756.000				**2.289.676.000**
7	Hiệp Hòa	181	659	1.423.440.000	120.908.000				**1.544.348.000**
8	Yên Dũng	159	508	1.097.280.000	106.212.000				**1.203.492.000**
9	Việt Yên	134	484	1.045.440.000	89.512.000	7.473.168.000	1.463.616.000	313.632.000	**10.385.368.000**
10	Bắc Giang	151	513	1.108.080.000	100.868.000	8.190.288.000	1.551.312.000	332.424.000	**11.282.972.000**
	Tổng	**2.128**	**6.810**	**14.709.600.000**	**1.421.504.000**	**15.663.456.000**	**3.014.928.000**	**646.056.000**	**35.455.544.000**

Bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ bốn trăm năm mươi lăm triệu năm bốn mươi bốn nghìn đồng./.

- Trang bị, phương tiện, thiết yếu: 668.000đ/tổ;
- Bảo hiểm xã hội = 0.14 x 1.800.000đ x 12 tháng x số người;
- Bảo hiểm y tế = 0.03 x 1800.000đ x 12 tháng x số người;
- Tuần tra = 180.000đ x 12 tháng x số người.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2024/NQ-HĐND	*Bắc Giang, ngày tháng năm 2024*

DỰ THẢO LẦN 3

NGHỊ QUYẾT
Quy định một số nội dung liên quan đến Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KHOÁ XIX, KỲ HỌP THỨ ...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở ngày 28 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở (Nghị định số 40); Thông tư số 14/2024/TT-BCA ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

Xét Tờ trình số.../TTr-UBND ngày...tháng...năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí số lượng, một số chế độ, chính sách và lập dự toán, thanh quyết toán kinh phí đối với thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

2. Đối tượng áp dụng

Thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở thôn, tổ dân phố được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định công nhận theo quy định của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí số lượng thành viên và mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng đối với thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự

1. Tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự: Mỗi thôn, tổ dân phố thành lập 01 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự.

2. Tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự

a) Đối với thôn, tổ dân phố có từ 500 hộ trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc địa bàn trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự: Bố trí 05 thành viên.

b) Đối với thôn có từ 350 hộ đến dưới 500 hộ: Bố trí 04 thành viên.

c) Đối với thôn, tổ dân phố còn lại: Bố trí 03 thành viên.

3. Mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng

3.1. Tổ trưởng 0,9; Tổ phó 0,45; Tổ viên 0,33 (*Hệ số so với mức lương cơ sở*).

3.2. Tổ trưởng, Tổ phó Tổ bảo vệ an ninh, trật tự được hưởng mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng của chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội Dân phòng theo quy định tại Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội Dân phòng trên địa bàn tỉnh.

STT	Chức danh	Mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng (*Hệ số so với mức lương cơ sở*)
1	Tổ trưởng	0,9
2	Tổ phó	0,45
3	Tổ viên	0,33

Điều 3. Trang bị cho Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự

1. Hằng năm, ngân sách cấp tỉnh bảo đảm trang bị trang phục, huy hiệu, phù hiệu cho Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh theo định mức quy định của Chính phủ.

2. Ngân sách cấp huyện, thị xã, thành phố hỗ trợ thêm trang bị phương tiện, thiết bị cần thiết (*ngoài danh mục trang cấp của Bộ Công an*) phục vụ công tác của Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở thôn, tổ dân phố, như: đèn pin, còi, sổ công tác, cặp đựng tài liệu…và kinh phí sửa chữa phương tiện, thiết bị phục vụ yêu cầu công tác.

Điều 4. Tập huấn, diễn tập, hội thi, sơ kết, tổng kết

1. Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ kinh phí tổ chức tập huấn, diễn tập, hội thi (*tiền ăn; nước uống; tài liệu bổ trợ; thù lao coi thi, chấp thi; cấp chứng chỉ; hội trường*) do tỉnh tổ chức và tổ chức sơ kết, tổng kết.

2. Khi được cử đi tập huấn, diễn tập, hội thi thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự được hỗ trợ bồi dưỡng bằng mức tiền ăn cơ bản của chiến sĩ nghĩa vụ Công an nhân dân.

Điều 5. Một số chế độ, chính sách đối với thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự

1. Được hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện (*0,14 hệ số so với mức lương cơ sở*), bảo hiểm y tế (*0,03 hệ số so với mức lương cơ sở*).

2. Khi làm việc từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau, ngày nghỉ, ngày lễ (*theo quyết định huy động của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cấp xã*), khi thực hiện công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật về lao động thì được hưởng mức tiền bồi dưỡng bằng **30.000đ/người/buổi**, nhưng không quá **180.000đ**/người/tháng; trong trường hợp cần thiết phải huy động thêm số buổi để giải quyết tình hình an ninh, trật tự, Trưởng Công an cấp xã báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định.

3. Khi làm nhiệm vụ tại những nơi thuộc miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số hoặc tại đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự, quốc phòng được hưởng mức tiền bồi dưỡng ngày công lao động tăng thêm theo quy định của pháp luật về hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực.

4. Khi được điều động, huy động, cử đi thực hiện nhiệm vụ ngoài địa bàn phụ trách (*địa bàn cấp huyện, cấp xã khác trong tỉnh*) thì được cơ quan điều động, huy động, cử đi thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phương tiện đi lại, hỗ trợ ăn, nghỉ trong thời gian làm nhiệm vụ bằng mức hỗ trợ của tỉnh khi huy động Dân quân tự vệ.

5. Nếu chưa tham gia bảo hiểm y tế mà bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ thì được hưởng chi phí khám bệnh, chữa bệnh như mức hưởng bảo hiểm y tế cho hạ sĩ quan Công an nhân dân đang công tác trong lực lượng Công an nhân dân và được hỗ trợ tiền ăn hằng ngày trong thời gian điều trị nội trú đến khi ổn định sức khỏe ra viện bằng mức tiền ăn của chiến sĩ nghĩa vụ Công an nhân dân.

6. Nếu chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, chết khi thực hiện nhiệm vụ thì được hưởng:

a) Trong trường hợp bị tai nạn phải điều trị tại bệnh viện (*kể cả vết thương tái phát*) thì được hưởng như quy định tại điểm 5, Điều 5 Nghị quyết này. Nếu tai nạn làm suy giảm khả năng lao động 5% thì được hưởng 7.450.000đ; sau đó, cứ suy giảm 1% thì được hưởng thêm 750.000đ (*theo Kết luận của Hội đồng giám định y khoa*).

b) Trường hợp bị tai nạn dẫn đến chết: Thân nhân được trợ cấp tiền tuất bằng 53.640.000đ; người lo mai táng được nhận tiền mai táng phí bằng 14.900.000đ.

c) Trường hợp bị ốm đau dẫn đến chết: Thân nhân được trợ cấp tiền tuất bằng 7.450.000đ; người lo mai táng được nhận tiền mai táng phí bằng 14.900.000đ.

7. Thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở là "Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố" được kiêm nhiệm và hưởng chế độ kiêm nhiệm theo văn bản hiện hành của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Điều 6. Nguồn kinh phí bảo đảm

1. Ngân sách cấp tỉnh bảo đảm kinh phí chi trả mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng; kinh phí hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế đối với các huyện (*trừ thành phố Bắc Giang và thị xã Việt Yên*); kinh phí trang bị trang phục, huy hiệu, phù hiệu cho thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và kinh phí tập huấn, diễn tập, sơ kết, tổng kết, khen thưởng.

2. Ngân sách cấp thành phố Bắc Giang và ngân sách cấp thị xã Việt Yên bảo đảm kinh phí thực hiện các chế độ chính sách đối với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự quy định tại Nghị quyết này (*trừ kinh phí trang bị trang phục, huy hiệu, phù hiệu cho thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và kinh phí tập huấn, diễn tập, sơ kết, tổng kết, khen thưởng do ngân sách cấp tỉnh đảm bảo*).

Ngân sách cấp huyện của các huyện còn lại bảo đảm kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách quy định tại Khoản 2 Điều 3; Khoảng 2,3,4,5,6 Điều 5 Nghị quyết.

Điều 7. Lập dự toán và thanh, quyết toán kinh phí thực hiện chế độ chính sách đối với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở thôn, tổ dân phố

1. Lập dự toán

a) Đối với kinh phí hỗ trợ thường xuyên hằng tháng, kinh phí hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế.

- Đối với thành phố Bắc Giang và thị xã Việt Yên:

Hằng năm cùng với thời điểm lập tự toán ngân sách năm kế hoạch; Công an thành phố, thị xã phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường lập dự toán kinh phí thực hiện gửi về Phòng Tài chính Kế hoạch để tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã trình Hội đồng nhân dân cùng cấp bố trí kinh phí ngân sách cấp thành phố, thị xã hỗ trợ dưới hình thức bổ sung cho các xã, phường ngay từ dự toán đầu năm để triển khai thực hiện.

- Đối với các huyện còn lại:

Hằng năm, cùng với thời điểm lập dự toán ngân sách năm kế hoạch; Công an tỉnh phối hợp với các huyện tổng hợp dự toán kinh phí hỗ trợ cho Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh gửi Sở Tài chính để tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí kinh phí ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ dưới hình thức bổ sung cho các huyện ngay từ dự toán đầu năm để triển khai thực hiện.

b) Đối với kinh phí trang bị trang phục, huy hiệu, phù hiệu cho thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; kinh phí tập huấn, diễn tập, sơ kết, tổng kết, khen thưởng

Hằng năm, cùng với thời điểm lập tự toán ngân sách năm kế hoạch; Công an tỉnh phối hợp với các huyện, thị xã, thành phố tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện gửi Sở Tài chính để tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí dự toán ngay từ đầu năm cho Công an tỉnh để triển khai thực hiện.

c) Đối với kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách quy định tại khoản 2 Điều 3; khoản 2,3,4,5,6 Điều 5 Nghị quyết

Hằng năm cùng với thời điểm lập dự toán ngân sách năm kế hoạch; Công an các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện gửi Phòng Tài chính Kế hoạch để tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố trình Hội đồng nhân dân cùng cấp bố trí kinh phí ngân sách cấp huyện, thị xã, thành phố hỗ trợ dưới hình thức bổ sung cho các xã, phường, thị trấn ngay từ dự toán đầu năm để triển khai thực hiện.

2. Thanh, quyết toán kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở thôn, tổ dân phố

Việc thanh, quyết toán kinh phí thực hiện chế độ chính sách đối với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Nghị quyết này bãi bỏ chức danh, mức phụ cấp đối với Trưởng ban Bảo vệ dân phố ở phường tại khoản 6, Điều 2 và chức danh, mức phụ cấp đối với Công an viên bán chuyên trách ở thôn, tổ dân phố thuộc xã, thị trấn (*Bảo vệ dân phố thuộc phường*) tại khoản 2, Điều 4 Nghị quyết số 81/2023/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Khóa XIX, Kỳ họp thứ... thông qua ngày...tháng...năm 2024 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Cục kiểm tra VBQPPL/Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế/Bộ Tài chính;
- Vụ pháp chế/Bộ Nội vụ;
- Bộ Công an;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các Sở, cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Thường trực: Thành ủy, Thị ủy, Huyện ủy, HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- LĐ, chuyên viên Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lê Thị Thu Hồng